

Ngày thi: 21/01/2015

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30						55	100			
1	162223358	Võ Tuấn	Anh	K16XDC2	2		2						V	0.0	Không	NỖ LP	
2	162223359	Hà Tuấn	Anh	K16XDC1	3		3						5	4.1	Bốn phẩy Một		
3	162223360	Nguyễn Tấn	Bình	K16XDC1	8		6						4	5.2	Năm phẩy Hai		
4	162223361	Đình Vũ	Chánh	K16XDC2	7		5						4.5	5.0	Năm		
5	162223365	Nguyễn Hải	Đăng	K16XDC1	2		2						V	0.0	Không	NỖ LP	
6	162223367	Phạm Anh	Đức	K16XDC1	0		0						V	0.0	Không	NỖ LP	
7	162223368	Nguyễn Đăng	Dũng	K16XDC2	6		4						4	4.3	Bốn phẩy Ba		
8	162226431	Nguyễn Văn	Hải	K16XDC2	1.5		1						V	0.0	Không	NỖ LP	
9	162223372	Hồ Xuân	Hải	K16XDC1	7		5						4	4.8	Bốn phẩy Tám		
10	162223376	Lê Công Vương	Hầu	K16XDC1	5		5						5.5	5.3	Năm phẩy Ba		
11	162223377	Phan Thanh	Hiền	K16XDC2	2		2						4.5	3.4	Ba phẩy Bốn		
12	162223381	Đặng Công	Hiếu	K16XDC2	4		3						4.5	4.0	Bốn		
13	162223378	Hồ Trung	Hiếu	K16XDC1	6		6						4	4.9	Bốn phẩy Chín		
14	162223380	Phạm Trung	Hiếu	K16XDC1	2		2						V	0.0	Không	NỖ LP	
15	162226432	Cao Trung	Hiếu	K16XDC1	1		1						V	0.0	Không	NỖ LP	
16	162223382	Trần Đình	Hoàn	K16XDC2	2		4						V	0.0	Không		
17	162223386	Nguyễn Mạnh	Hùng	K16XDC2	4		4						4	4.0	Bốn		
18	162223393	Trịnh Duy	Khanh	K16XDC1	9		5						4	5.1	Năm phẩy Một		
19	162223397	Nguyễn Văn	Linh	K16XDC2	4		4						4.5	4.3	Bốn phẩy Ba		
20	162227671	Phạm Hòa	Lộc	K16XDC2	1		1						V	0.0	Không	NỖ LP	
21	162223398	Phan Hoàng	Lộc	K16XDC1	6.5		3.5						4	4.2	Bốn phẩy Hai		
22	162223399	Đỗ Hoàng	Long	K16XDC2	6		5						5	5.2	Năm phẩy Hai		
23	162223400	Nguyễn Bảo	Long	K16XDC1	9		6						4.5	5.6	Năm phẩy Sáu		
24	162227086	Hoàng Như	Ngọc	K16XDC2	1.5		1						V	0.0	Không	NỖ LP	
25	162123065	Trần Thái	Quang	K16XDC2	2		2						V	0.0	Không	NỖ LP	
26	162223406	Phạm Văn	Sơn	K16XDC1	5		2						V	0.0	Không		
27	162223408	Nguyễn Đình	Tân	K16XDC2	4		4						V	0.0	Không	NỖ LP	
28	162223410	Nguyễn Văn	Thành	K16XDC2	2		2						V	0.0	Không	NỖ LP	
29	162226923	Tăng Thị Xuân	Thảo	K16XDC1	4		3						5	4.3	Bốn phẩy Ba		
30	162223412	Lê Viết	Thiện	K16XDC2	5		4						4	4.2	Bốn phẩy Hai		
31	162223413	Lê Văn	Thuần	K16XDC1	1		1						V	0.0	Không	NỖ LP	
32	162223415	Nguyễn Anh	Tiến	K16XDC1	5		3.5						V	0.0	Không		
33	162223416	Lê Văn	Tới	K16XDC2	1		1						V	0.0	Không	NỖ HP	
34	162223419	Lê Hữu	Trường	K16XDC1	7.5		3.5						4	4.4	Bốn phẩy Bốn		
35	162223420	Trần Quý	Tứ	K16XDC2	6.5		3.5						4.5	4.5	Bốn phẩy Năm		
36	142221368	Nguyễn Anh	Tuấn	K16XDC2	1		1						V	0.0	Không	NỖ LP	
37	162226637	Hoàng Đức	Tuấn	K16XDC1	4		2						V	0.0	Không		
38	162227420	Nguyễn Đức	Tùng	K16XDC1	9		4						5	5.3	Năm phẩy Ba		
39	162223424	Đỗ Trung	Tuyển	K16XDC2	7.5		4						4.5	4.8	Bốn phẩy Tám		
40	162223426	Nguyễn Quốc	Việt	K16XDC2	5		3.5						4.5	4.3	Bốn phẩy Ba		
41	162223425	Bùi Tấn	Việt	K16XDC1	6.5		3.5						4	4.2	Bốn phẩy Hai		
42	162223430	Trần Anh	Vũ	K16XDC2	2		2						V	0.0	Không		
43	162223432	Trương Văn	Vũ	K16XDC1	9		5.5						4	5.2	Năm phẩy Hai		
44	162223433	Đặng Hoàng Duy	Vương	K16XDC1	9		5.5						4	5.2	Năm phẩy Hai		

Ngày thi: 21/01/2015

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
				15		30						55	100		
45	152226201	Phạm Triệu Thanh	K15XDC	3		2					V	0.0	Không	NỢ LP	
46	168222076	Trần Nhật Giang	T16XDC	8		6					V	0.0	Không	NỢ LP	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	24	52%	
2	Số sinh viên nợ	22	48%	
TỔNG CỘNG :		46	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 01 năm 2015
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Ân